

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

----- o0o -----

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN
LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TẠI VIỆT NAM**

Hà Nội, 11/2019

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Trong các năm vừa qua, cùng với sự gia tăng dân số mạnh mẽ, quá trình đô thị hóa đất nước và sự hình thành, phát triển vượt bậc của các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, một mặt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, mặt khác đã làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng, đã và đang làm gia tăng lượng chất thải rắn phát sinh, cả về số lượng, thành phần và tính chất đã và đang gây áp lực rất lớn đến môi trường.

Đến ngày hết tháng 5 năm 2019, cả nước có 833 đô thị, bao gồm 2 đô thị loại đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, 20 đô thị loại I, 29 đô thị loại II, 45 đô thị loại III, 85 đô thị loại IV và 652 đô thị loại V, tỉ lệ đô thị hóa đạt 38,5%.

Sự gia tăng nhanh chóng của dân số đô thị (chủ yếu do di dân nông thôn - thành thị) trong các năm qua ở nước ta diễn ra nhanh chóng đã và đang gây áp lực đến môi trường trong đó chất thải rắn sinh hoạt (CTRS) phát sinh có xu hướng gia tăng qua các năm, trong khi hệ thống hạ tầng liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn không theo kịp với tốc độ đô thị hóa. Bên cạnh đó, việc Việt Nam là một trong những nước sẽ chịu ảnh hưởng nhiều nhất của biến đổi khí hậu đang làm sâu sắc hơn các bất cập hiện tại và tạo ra thách thức mới cho quá trình đô thị hóa trong đó có vấn đề liên quan đến quản lý, xử lý CTRSH.

Các hoạt động kinh tế, nhất là công nghiệp, thương mại, dịch vụ cũng đang là nguồn phát sinh chất thải lớn trong đó có CTRSH. Theo thống kê, Việt Nam hiện có khoảng 500.000 doanh nghiệp công nghiệp, khoảng 283 KCN tập trung, hơn 1.700 cụm công nghiệp và 18 khu kinh tế đang hoạt động. Dự báo tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh ở các khu công nghiệp tập trung và các cụm công nghiệp tại các vùng lãnh thổ đến năm 2015 khoảng 26.000 tấn/ngày, năm 2020 khoảng 57.000 tấn/ngày, trong đó có CTRSH.

Lĩnh vực dịch vụ, trong đó có giao thông, y tế và du lịch cũng có những đóng góp lớn vào tổng lượng thải, với tỷ lệ CTRSH cao. Chỉ tính riêng lĩnh vực y tế, hiện có khoảng 13.500 cơ sở đang hoạt động, trong đó có 1.263 bệnh viện các tuyến, trên 1.000 cơ sở Viện, Trung tâm y tế dự phòng và các cơ sở tư nhân khác.

Trước sức ép môi trường đang gia tăng, lượng CTRSH phát sinh ngày càng lớn, tính chất ngày càng phức tạp đòi hỏi phải tăng năng lực cho hoạt động quản lý, xử lý CRT nói chung và CTRSH nói riêng mới đủ sức giải quyết các vấn đề môi trường do CTRSH hiện nay đang đặt ra.

Trước các áp lực về môi trường do CTRSH gây ra, Đảng, nhà nước, Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường nói chung và CTRSH nói riêng như:

Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

- Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết 41/NQ của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019.

- Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 01 năm 2019.

Việc triển khai thực hiện các chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính, các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý CTRSH nói riêng cũng như yêu cầu thực tế của công tác bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có quản lý CTRSH, đã có những bước dịch chuyển đáng kể, đáp ứng yêu cầu cơ bản của công tác bảo vệ môi trường, đóng góp nhiều hơn cho quá trình phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, thực tiễn đặt ra ngày một cao, trong khi việc triển khai thực hiện việc quản lý, xử lý CTRSH hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về bảo vệ môi trường, đặc biệt là năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, năng lực của các cơ sở thu gom, vận chuyển và xử

lý CTRSH, nhận thức của cộng đồng trong việc quản lý CTRSH còn hạn chế.

Đề sớm khắc phục các vấn đề còn hạn chế nêu trên liên quan đến công tác quản lý và xử lý chất thải rắn, từng bước đưa hoạt động quản lý và xử lý chất thải rắn ngày càng nề nếp, tạo sự chuyển biến căn bản trong lĩnh vực quản lý, xử lý chất thải góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, gắn với bảo vệ môi trường hướng tới xây dựng nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ **“Đề án tổng thể về mô hình công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và nông thôn”**.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Đề án, ngày 03 tháng 2 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-CP về phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 01 năm 2019, trong đó có nội dung giao Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý thống nhất nhà nước về chất thải rắn. Triển khai nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phương án thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn và đã có Công văn số 1701/BTNMT-TCMT ngày 12 tháng 4 năm 2019 báo cáo Thủ tướng Chính phủ, trong đó kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng **“Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam”**.

Xuất phát từ xu thế chung của các nước trên thế giới về nền kinh tế tuần hoàn với thực tiễn quản lý chất thải rắn nêu trên của Việt Nam và các lý do nêu trên, việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **“Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam”** là vấn đề cấp thiết hiện nay góp phần tăng cường hơn nữa công tác quản lý CTRSH, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Tăng cường năng lực của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý CTRSH (các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương; các tổ chức, cá nhân tham gia giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý và tái chế CTRSH) trong việc xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách và pháp luật về quản lý CTRSH; tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý; cơ sở vật chất, trang thiết bị; huy động nguồn vốn, xây dựng và triển khai các cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý, tái chế CTRSH... để thực hiện được mục tiêu của Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Về CTRSH đô thị đến năm 2025:

+ Tất cả các đô thị loại đặc biệt và loại I có công trình tái chế CTRSH phù hợp với việc phân loại tại hộ gia đình; 85% các đô thị còn lại có công trình tái chế CTRSH phù hợp với việc phân loại tại hộ gia đình;

+ 90% tổng lượng CTRSH phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; tăng cường khả năng tái chế, tái sử dụng, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ; phần đầu tỷ lệ CTRSH xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% so với lượng chất thải được thu gom;

+ Sử dụng 100% túi nilon thân thiện với môi trường tại các Trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt thay thế cho túi nilon khó phân hủy;

+ 90 - 95% các bãi chôn lấp CTRSH tại các đô thị đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất;

+ Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý CTRSH đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

- Về CTRSH nông thôn đến năm 2025:

+ 80% lượng CTRSH phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tự xử lý, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; tận dụng tối đa lượng chất thải hữu cơ để tái sử dụng, tái chế, làm phân compost hoặc tự xử lý tại các hộ gia đình thành phân compost để sử dụng tại chỗ;

+ 95% các bãi chôn lấp CTRSH tại khu vực nông thôn đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất; phần đầu 100% các bãi chôn lấp chất thải tự phát không thuộc quy hoạch phải được xử lý đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý CTRSH phải đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

3. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

3.1. Đối tượng thực hiện

Các tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam liên quan đến công tác quản lý CTRSH

3.2. Phạm vi thực hiện

Thực trạng và các nội dung, giải pháp quản lý CTRSH tại Việt Nam được thực hiện trong phạm vi cả nước.

4. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất

nước.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

- Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 01 năm 2019.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đề án được nghiên cứu xây dựng trên cơ sở áp dụng một hoặc phối hợp các phương pháp nghiên cứu sau đây:

5.1. Phương pháp kế thừa

Báo cáo đã sử dụng phương pháp kế thừa kết quả của những dự án, đề tài liên quan của để phục vụ cho việc xây dựng Đề án.

5.2. Phương pháp điều tra, thu thập, phân tích và đánh giá số liệu

- Tiến hành điều tra thực tế tình hình quản lý, phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên toàn quốc;

- Tổng hợp, đánh giá tình hình quản lý, phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên toàn quốc;

- Tiến hành thu thập, tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý CTRSH của Việt Nam;

- Trên cơ sở các thông tin, số liệu đã được tổng hợp, tiến hành đánh giá và phân tích những vấn đề còn tồn tại về mặt cơ chế, chính sách, mô hình tổ chức của công tác quản lý, xử lý CTRSH, từ đó đề xuất các định hướng quản lý CTRSH cho phù hợp với thực tế.

5.3. Phương pháp chuyên gia

Hiện nay, trong các công tác đánh giá nói chung, phương pháp chuyên gia được coi là phương pháp quan trọng và hiệu quả. Phương pháp này huy động được kinh nghiệm và hiểu biết của các nhóm chuyên gia liên ngành về lĩnh vực nghiên cứu, từ đó sẽ cho các kết quả có tính thực tiễn và khoa học cao phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Việt Nam.

Phương pháp này được thực hiện thông qua hình thức: hội thảo, khảo sát thực tế cùng chuyên gia, họp nhóm chuyên gia. Các ý kiến của chuyên gia được xem xét, tổng hợp làm cơ sở để đề xuất xây dựng Đề án.

Tham vấn ý kiến của các Bộ, ngành liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt.

5.4. Phương pháp kế thừa (tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu thực hiện trước đây, kế thừa những kết quả điều tra, đánh giá, nghiên cứu đã có cả trong và ngoài nước):

Kế thừa kết quả nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn, chất thải rắn sinh hoạt; Báo cáo chuyên đề về môi trường quốc gia năm 2017 Chuyên đề: Quản lý chất thải; Kế hoạch kiểm tra, đánh giá công tác quản lý chất thải rắn trên phạm vi cả nước năm 2019;

5.5. Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp hệ thống

Các tài liệu sau khi thu thập, được phân tích, đánh giá, tổng hợp làm cơ sở cho việc xây dựng Đề án.

5.6. Phương pháp dự báo

Mô hình dự báo định lượng dựa trên số liệu quá khứ, những số liệu này giả sử có liên quan đến tương lai và có thể tìm thấy được. Tất cả các mô hình dự báo theo định lượng có thể sử dụng thông qua chuỗi thời gian và các giá trị này được quan sát đo lường các giai đoạn theo từng chuỗi. Trong khuôn khổ đề án này sử dụng cả 2 phương pháp định tính và định lượng để nâng cao mức độ chính xác của dự báo.

PHẦN I: BÁO CÁO XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. THỰC TRẠNG PHÁT SINH, PHÂN LOẠI, THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮNSINH HOẠT Ở VIỆT NAM

1.1. THỰC TRẠNG PHÁT SINH CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Theo kết quả điều tra, đánh giá, hiện nay trên cả nước khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng hơn 61.000 tấn/ngày, trong đó khối lượng phát sinh tại khu vực đô thị là khoảng hơn 37.000 tấn/ngày, khu vực nông thôn là hơn 24.000 tấn/ngày. Thống kê theo địa phương cho thấy các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có khối lượng chất thải phát sinh rất khác nhau. Các địa phương có khối lượng phát sinh lớn như thành phố Hồ Chí Minh (9.100 tấn/ngày), Hà Nội (6.500 tấn/ngày), Thanh Hóa (2.246 tấn/ngày), Bình Dương (1.764 tấn/ngày), Đồng Nai (1.838 tấn/ngày). Các địa phương có khối lượng phát sinh ít là Bắc Kạn (190 tấn/ngày), Kon Tum (212 tấn/ngày), Lai Châu (260 tấn/ngày), Hà Nam (265 tấn/ngày). Thống kê cho thấy có hơn ¼ các địa phương có khối lượng phát sinh trên 1.000 tấn/ngày.

Có 8 địa phương có lượng chất thải phát sinh nhỏ hơn 300 tấn/ngày. Chỉ có hai địa phương có lượng CTRSH phát sinh nhỏ hơn 200 tấn/ngày. Điều này cho thấy rằng hầu hết tất cả các địa phương tại Việt Nam có thể áp dụng phương pháp đốt rác phát điện do khối lượng chất thải tối thiểu cần có để áp dụng công nghệ này là khoảng 200-300 tấn/ngày. Cụ thể, tình hình phát sinh CTRSH đô thị tại các địa phương trong toàn quốc trong Phụ lục 1 kèm theo Đề án.

1.2. PHÂN LOẠI

Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường đã quy định rất rõ trách nhiệm của chủ phát thải nguồn thải CTRSH phải thực hiện việc phân loại CTRSH tại nguồn. Nhưng thực tế hiện nay, phần lớn CTRSH chưa được phân loại tại nguồn, việc phân loại tại nguồn phát sinh mới chỉ được thực hiện tại một số địa phương, một số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vẫn thực hiện mang tính khuyến khích, chưa có tính cưỡng chế cao.

Hiện nay, việc phân loại tại nguồn mới chỉ được thực hiện tại một số địa phương và còn mang tính khuyến khích, chưa có tính cưỡng chế cao. Nhiều địa phương thực hiện thí điểm tại một số khu vực, trong khi Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, Cần Thơ đã triển khai thực hiện trên quy mô lớn.... Theo đó, chất thải hầu hết được phân loại thành chất thải có thể đốt được, chất thải có thể tái chế và các loại chất thải khác... Tuy nhiên, việc phân loại tại nguồn này tùy thuộc vào công nghệ xử lý đang áp dụng tại địa phương. Đánh giá chung cho thấy việc phân loại tại nguồn chưa đạt được kết quả các do trên thực tế, các chất thải tái chế thường được các hộ gia đình, người đi thu gom, ve chai thu nhặt và bán tái chế trước khi các đơn vị thu gom, vận chuyển có thể thu hồi. Mặt khác, hiện nay các địa phương chưa có thiết bị, phương tiện thu gom riêng đối với từng loại chất thải được phân loại. Do vậy, trong nhiều trường hợp

chất thải được vận chuyển chung trong cùng thiết bị, phương tiện, dẫn đến việc phân loại tại nguồn chưa có hiệu quả. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp chất thải được phân loại tại nguồn trong khi cơ sở xử lý chỉ áp dụng một phương pháp xử lý chung nên hiệu quả của việc phân loại tại nguồn không cao. Hơn nữa, hiện nay một số công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt không yêu cầu việc phân loại nên trong trường hợp đó cần xem xét tính cần thiết của việc phân loại tại nguồn.

1.3. THU GOM, TRUNG CHUYỂN, VẬN CHUYỂN

1.3.1. Trang thiết bị phục vụ cho việc thu gom, vận chuyển

Hiện nay, các thiết bị phục vụ cho việc thu gom, vận chuyển CTRSH tại các đô thị lớn mới có các phương tiện chuyên dụng như các thùng chứa CTRSH, các xe chuyên dụng chở CTRSH được các Công ty URENCO sử dụng, còn tại các vùng nông thôn thường không có các phương tiện vận chuyển chuyên dụng thường sử dụng các phương tiện xe thủ công để vận chuyển đến điểm tập kết. Nhìn chung, trong bối cảnh các địa phương còn thiếu các thiết bị thugom, vận chuyển CTRSH chuyên dụng.

1.3.2. Hiện trạng thu gom

Hiện nay, việc thu gom vận chuyển được thực hiện khác nhau giữa đô thị và nông thôn, giữa các địa phương và thậm chí giữa các vùng trong cùng một địa phương.

Tại đô thị, chất thải phát sinh tại các hộ gia đình thông thường được các đơn vị thu gom theo giờ nhất định, các phương tiện xe thủ công được người thu gom sử dụng để chuyên rác thải ra các điểm tập kết, từ đó đưa lên xe vận chuyển về cơ sở xử lý hoặc về trạm trung chuyển trước khi chuyển về cơ sở xử lý. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị của các địa phương đạt từ 62% đến hơn 90%, một số địa phương đạt tỷ lệ thu gom cao như Bình Dương, Đồng Nai, Thái Bình, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội. Theo Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, mục tiêu đến năm 2025 thì 90% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Như vậy, có thể thấy mục tiêu thu gom chất thải rắn đô thị hiện nay có thể đáp ứng mục tiêu đặt ra.

Tại nông thôn, nhiều địa phương có các tổ tự quản, hội phụ nữ thu gom chất thải theo tần suất nhất định và chuyển đến điểm tập kết để các công ty môi trường đô thị vận chuyển về cơ sở xử lý; tuy nhiên nhiều trường hợp không được thu gom dẫn đến việc hình thành các bãi rác tạm gây ô nhiễm môi trường tại các khu vực nông thôn. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn của các tỉnh/thành phố chưa có số liệu thống kê đầy đủ, tuy nhiên cũng có một vài tỉnh đã thống kê như Thanh Hóa (83,56%), Đồng Nai (trên 90%). Một số địa phương có tỷ lệ thu gom thấp có thể kể đến như Điện Biên (12.5%), Lâm Đồng (22.5%), Kiên Giang (27%), Hà Giang (27.4%).

Theo thống kê, hiện có 22 tỉnh/thành phố có sử dụng trạm trung chuyển chất thải. Việc lựa chọn các khu vực tập kết và các trạm trung chuyển thường

khó khăn, hay gặp phải sự phản đối của người dân do việc tập kết và trung chuyển tạm thời phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác và thu hút côn trùng, ảnh hưởng đến môi trường. Nhiều điểm tập kết không có mái che nên khi mưa gây ướt, nước rỉ rác phát sinh ảnh hưởng đến môi trường.

Theo thống kê, có 59.0% địa phương hiện đã đạt được mục tiêu của Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 đối với tỷ lệ thu gom CTRSH tại khu vực đô thị. Tuy nhiên, chỉ có 25.5% địa phương hiện đạt được mục tiêu này đối với tỷ lệ thu gom ở khu vực nông thôn.

Đối với 41.0% các địa phương chưa đạt được mục tiêu quốc gia về tỷ lệ thu gom CTRSH tại khu vực đô thị, cần tập trung xây dựng giải pháp đối với các địa phương này. Ngoài ra, việc mở rộng khu vực thu gom đối với khu vực nông thôn trong điều kiện tài chính hạn chế cũng cần được thảo luận.

1.4. Trung chuyển, vận chuyển

Công tác vận chuyển hiện còn gặp nhiều khó khăn, các bãi chôn lấp chất thải thường ở xa khu dân cư làm tăng chi phí vận chuyển. Trong khi đó, mức phí vệ sinh môi trường (giá dịch vụ thu gom, vận chuyển) thu từ các hộ gia đình hiện nay mới chỉ chi trả được một phần cho hoạt động thu gom chất thải, không đủ để chi trả cũng như duy trì cho hoạt động vận chuyển. Ngoài ra, năng lực vận chuyển của một số địa phương còn hạn chế, phương tiện vận chuyển còn gây rò rỉ, rơi vãi chất thải trong quá trình vận chuyển.

Việc thu gom, vận chuyển chất thải phát sinh từ các đảo còn gặp nhiều khó khăn, việc thu gom, vận chuyển vào đất liền có chi phí cao trong khi việc đầu tư thiết bị xử lý như lò đốt công suất lớn không hiệu quả về mặt kinh tế.

Một khó khăn hiện nay là nhiều địa phương chủ động cải tiến phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn cho phù hợp với điều kiện địa hình của địa phương, tuy nhiên lại vướng mắc với quy định của ngành giao thông khi đăng kiểm. Do vậy, cần có hướng dẫn kỹ thuật về phương tiện thu gom, vận chuyển, đảm bảo tuân thủ yêu cầu và giải quyết tính hiệu quả, đăng ký kiểm định được theo quy định của ngành giao thông.

1.5. Thực trạng công tác xử lý và công nghệ xử lý CTRSH

1.5.1. Thông tin chung

Theo kết quả kiểm tra, đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hiện nay, trên cả nước có 381 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt, 37 dây chuyền sản xuất phân compost, 904 bãi chôn lấp, trong đó có nhiều bãi chôn lấp không hợp vệ sinh.

Công nghệ xử lý CTRSH phổ biến là chôn lấp còn lại là đốt, ủ phân hữu cơ và tái chế. Các công nghệ xử lý CTRSH đang áp dụng ở nước ta (kể cả các công nghệ nước ngoài) ngày càng đa dạng nhưng hiệu quả thực tế chưa được tổng kết, đánh giá một cách đầy đủ. Một số công nghệ trong nước đang triển khai áp dụng bước đầu đã đem lại hiệu quả nhất định. Các công nghệ được nghiên cứu trong nước hầu hết do các doanh nghiệp tư nhân đảm nhiệm nên việc

hoàn thiện công nghệ cũng như triển khai ứng dụng trong thực tế còn gặp nhiều khó khăn. Các công nghệ nước ngoài khi sử dụng tại Việt Nam gặp một số khó khăn do CTR phần lớn chưa được phân loại tại nguồn, độ ẩm cao, điều kiện thời tiết nhiệt đới, lượng CTR tiếp nhận thấp hơn công suất thiết kế hoặc không ổn định, đầu tư khá cao dẫn đến chi phí xử lý cao.

Phần lớn các bãi chôn lấp hiện tiếp nhận CTRSH chưa được phân loại tại nguồn, có thành phần hữu cơ cao nên tính ổn định thấp, chiếm nhiều diện tích đất, phát sinh lượng lớn nước rỉ rác; nhiều bãi chôn lấp không hợp vệ sinh đã và đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe, hoạt động sản xuất của cộng đồng xung quanh.

Tỷ lệ xử lý chất thải theo các phương pháp xử lý như sau:

- 71% tổng lượng chất thải (tương đương 43 nghìn tấn/ngày) được xử lý bằng phương pháp chôn lấp (không bao gồm lượng bã thải và tro xỉ từ các cơ sở chế biến phân compost và các lò đốt)

- 16% tổng lượng chất thải (tương đương 9.5 nghìn tấn/ngày) được xử lý tại các nhà máy chế sản xuất phân compost.

- 13% tổng lượng chất thải (tương đương 8 nghìn tấn/ngày) được xử lý bằng phương pháp đốt.

1.5.2. Một số công nghệ xử lý CTRSH chính hiện đang áp dụng

a) Phương pháp chôn lấp

Đây là phương pháp đang được áp dụng phổ biến tại Việt Nam. Trong 904 bãi chôn lấp hiện nay chỉ có chưa đến 20% bãi chôn lấp hợp vệ sinh, còn lại là các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh hoặc các bãi tập chất thải cấp xã.

Đối với các bãi chôn lấp hợp vệ sinh, một số có hệ thống thu gom khí, một số không; hệ thống xử lý nước rỉ rác trong nhiều trường hợp không đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Tại các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, trong một số trường hợp việc quản lý, vận hành bãi chôn lấp đi kèm với trách nhiệm thu gom, xử lý nước rỉ rác phát sinh; trong trường hợp khác việc xử lý nước rỉ rác được giao cho đơn vị khác với đơn vị quản lý, vận hành bãi chôn lấp.

Hiện nay tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp là khoảng 71%. Đặc biệt là các thành phố lớn như Hồ Chí Minh (70%), Đà Nẵng (trên 90%)... Các bãi chôn lấp tại các thành phố lớn nêu trên hiện đang quá tải, có khả năng gây ô nhiễm môi trường và thường gặp phải sự phản đối của người dân. Hiện nay, các thành phố đang xúc tiến triển khai các phương pháp thiêu đốt phát điện để thay thế công nghệ chôn lấp.

b) Phương pháp thiêu đốt

Hiện nay trên cả nước có 381 lò đốt, trong đó chỉ có khoảng 294 lò (chiếm khoảng 77%) có công suất trên 300 kg/h, đáp ứng yêu cầu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 61: 2016/BTNMT về lò đốt chất thải

rắn sinh hoạt. Nhiều lò đốt, đặc biệt là lò đốt cỡ nhỏ không có hệ thống xử lý khí thải hoặc hệ thống xử lý khí thải không đạt yêu cầu về môi trường.

Theo công nghệ này, CTRSH sinh hoạt được thu gom và đưa vào các lò đốt có buồng đốt sơ cấp và thứ cấp để thiêu đốt chất thải, giảm đáng kể tỷ lệ chất thải phải chôn lấp. Hiện tại ở Việt Nam phần lớn lò đốt được thiết kế chế tạo tại Việt Nam, một số được nhập khẩu từ nước ngoài. Đặc điểm của lò đốt là yêu cầu vận hành phức tạp, đòi hỏi có trình độ kỹ thuật phù hợp và yêu cầu cao đối với giám sát khí thải sinh ra từ quá trình xử lý.

Đặc biệt là hiện nay, theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 được ban hành tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, một trong các tiêu chí về môi trường là chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Theo tiêu chí này, hiện nay có một số địa phương đầu tư cho mỗi xã một lò đốt cỡ nhỏ để xử lý chất thải rắn, các lò đốt này không đáp ứng yêu cầu tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 61: 2016/BTNMT về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt. Mặt khác, một số lò đốt đáp ứng yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 61: 2016/BTNMT nhưng khi áp dụng tại các địa phương đối với CTRSH có nhiệt trị thấp, độ ẩm cao, trình độ vận hành của các công nhân còn yếu kém, không tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật (như nhiệt độ cháy theo yêu cầu) hoặc vận hành hệ thống xử lý khí thải nên không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Việc này dẫn đến khả năng không kiểm soát được chất thải thứ cấp phát sinh, đặc biệt là đối với Dioxin/Furan đồng thời không phù hợp với mục tiêu xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung.

c) Phương pháp thiêu đốt thu hồi năng lượng

Đặc điểm của công nghệ này bên cạnh chức năng tiêu hủy chất thải thì năng lượng phát sinh được dùng để sản xuất điện. Có nhiều phương pháp thu hồi năng lượng từ CTRSH, bao gồm đốt trực tiếp thu hồi nhiệt để phát điện, phương pháp đốt thiếu oxy, khí hóa trước khi được sử dụng để thu hồi năng lượng, đồng xử lý trong lò nung xi măng..

Hiện mới có một số cơ sở áp dụng phương pháp này, ví dụ như ở Cần Thơ, Quảng Bình.... trong khi nhiều địa phương đang trong quá trình xem xét, nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng phương pháp đốt thu hồi năng lượng để phát điện như Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội, Bắc Ninh, ... Một số nhà máy sản xuất xi măng hiện cũng đang nghiên cứu phương pháp đồng xử lý chất thải trong lò nung xi măng, tuy nhiên mới chỉ tập trung vào chất thải công nghiệp và một số loại CTRSH phù hợp.

Tuy nhiên, việc xử lý tro xỉ phát sinh cần được quan tâm để đảm bảo không phát sinh ô nhiễm thứ cấp từ chất thải này.

d) Phương pháp sản xuất phân compost

Hiện trên cả nước có 37 cơ sở áp dụng phương pháp này. Tuy nhiên, trong khi một số có thể sản xuất sản phẩm có sức tiêu thụ khá tốt thì một số khác

không tiêu thụ được sản phẩm. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc CTRSH không được phân loại triệt để dẫn đến sản phẩm phân compost còn chứa nhiều tạp chất nên khó tiêu thụ; sản phẩm phân compost chủ yếu được dùng cho các cơ sở lâm nghiệp, cây công nghiệp; khoảng cách từ các cơ sở xử lý chất thải đến nơi tiêu thụ khá xa.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT THẢI RẮN

2.1. Tại Trung ương

Theo quy định hiện hành, công tác quản lý nhà nước về CTR không được giao thống nhất cho một cơ quan mà được phân công cho nhiều Bộ, ngành cùng tham gia quản lý, bao gồm Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Việc giao thoa, chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn bao gồm việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, chương trình, quy hoạch, kế hoạch; tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng và dự báo tình hình quản lý CTR; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý chất thải rắn, cụ thể như sau:

Theo quy định hiện hành, vấn đề quản lý CTRSH không được giao thống nhất cho một cơ quan mà được phân công cho nhiều Bộ, ngành cùng tham gia quản lý, cụ thể:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, Bộ có trách nhiệm: Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, tập kết, trung chuyển, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức quản lý, kiểm tra các hoạt động bảo vệ môi trường về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

- Bộ Xây dựng có trách nhiệm: Hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch được phê duyệt; phương pháp lập, quản lý chi phí và phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; công bố định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; suất vốn đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Ngoài ra, Chính phủ đang giao trách nhiệm cho Bộ Xây dựng tổ chức lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn các vùng kinh tế trọng điểm, quy hoạch chất thải rắn các lưu vực sông và quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng liên tỉnh; các địa phương chịu trách nhiệm tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền;

- Theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao chủ trì đánh giá, thẩm định công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt mới được nghiên cứu và áp dụng lần đầu ở Việt Nam. Tuy nhiên, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ

Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan ban hành tiêu chí cụ thể; thẩm định, đánh giá, công bố công nghệ xử lý CTRSH;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các quy định cụ thể về quản lý chất thải rắn cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; lập và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch xử lý chất thải rắn; lập kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và bố trí kinh phí thực hiện phù hợp. Kết quả điều tra, đánh giá cho thấy, hiện nay chưa có sự thống nhất về cơ quan chuyên môn giúp việc UBND cấp tỉnh đối với công tác quản lý chất thải rắn dẫn đến hiệu lực, hiệu quả quản lý trong thời gian vừa qua chưa cao.

Ngoài ra, theo quy định hiện hành, trong lĩnh vực quản lý chất thải, Bộ TN&MT có thẩm quyền ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về chất thải (hàm lượng tối đa của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường); các Bộ chuyên ngành có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về các công trình, hoạt động trong phạm vi quản lý ngành, trong đó có các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quản lý CTR phát sinh từ hoạt động của ngành, lĩnh vực. Đối với CTRSH, việc ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đang được giao cho Bộ Xây dựng.

Việc thực hiện các quy định nêu trên

Thực hiện các Quyết định nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành các văn bản như Luật Bảo vệ môi trường, các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành luật, các quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải. Tuy nhiên, các Bộ ngành liên quan cũng đã xây dựng, trình ban hành, ban hành các văn bản liên quan, đặc biệt là Bộ Xây dựng như sau:

Bộ Xây dựng đã chủ trì xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều quy hoạch về quản lý chất thải rắn, như: Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025 tại Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08/02/2012; Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 tại Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 14/10/2016; Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 tại Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 12/02/2015; Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030 tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 06/01/2015; Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Cầu đến năm 2020 tại Quyết định số 2211/QĐ-TTg ngày 14/11/2013; Đề án “huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý CTRSH tại Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 23/7/2014; ...

Năm 2009, Bộ Xây dựng đã chủ trì, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009). Đến năm 2018, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Bộ TN&MT xây dựng và đồng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Y tế đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể

xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 5/11/2011). Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng còn ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng hạ tầng liên quan đến các công trình xử lý chất thải.

2. Tại địa phương

2.1. Việc ban hành và thực thi chính sách tại địa phương

Hiện nay, theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và được sửa đổi tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể về quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Theo đó, trên cả nước đã có 60 tỉnh/thành phố ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương, còn 03 tỉnh (Cao Bằng, Tuyên Quang, Bình Thuận) chưa ban hành các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương. Các văn bản về quản lý chất thải rắn bao gồm mức giá tối đa đối với giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các quy định quản lý chất thải rắn nói chung, quy định về thu gom, vận chuyển và xây dựng các cơ sở xử lý chất thải...

2.2. Về tổ chức bộ máy quản lý

Hiện nay, có 35 tỉnh/thành phố giao cho Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong vấn đề quản lý chất thải rắn, bao gồm chất thải rắn sinh hoạt; có 20 tỉnh/thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân dân trong vấn đề quản lý chất thải rắn, 8 tỉnh/thành phố giao cho cả hai đơn vị trong việc tham mưu giúp việc Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Sau khi Chính phủ có Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2019 về việc giao Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn, một số địa phương đã bắt đầu định hướng giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp việc. Tuy nhiên, các địa phương đều đề nghị để thực hiện tốt việc này cần sửa đổi chức năng, nhiệm vụ của các Bộ và sửa đổi Nghị định quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngoài ra, các Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương đều phản ánh việc thiếu nhân lực trong trường hợp được giao là cơ quan chuyên môn duy nhất giúp việc cho UBND tỉnh trong vấn đề quản lý chất thải rắn.

2.3. Tình hình xây dựng và thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn

Hiện nay, trên cả nước có 63 tỉnh/thành phố đã có quy hoạch quản lý chất thải rắn, không còn tỉnh/thành phố nào chưa có quy hoạch (hoặc đang lập quy hoạch). Bên cạnh các quy hoạch chất thải rắn của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, còn có các quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp vùng như quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2016, quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn lưu vực sông Cầu đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2211/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013, quy

hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2015, quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Đòng Nai đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015.

Theo các quy hoạch về quản lý chất thải rắn nêu trên, hiện nay trên cả nước chỉ có một số khu xử lý cấp vùng, còn lại là các khu xử lý cấp tỉnh, huyện, xã. Trên thực tế, hiện nay hầu hết chất thải rắn sinh hoạt được xử lý theo quy mô từng tỉnh, không có khu xử lý vùng. Chỉ riêng Thành phố Hồ Chí Minh hiện phối hợp với tỉnh Long An thực hiện dự án Khu Công nghệ Môi trường xanh (1.760 hecta) tại huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An để xử lý chất thải rắn của vùng (chưa đưa vào thực hiện).

Theo các quy hoạch nêu trên, các phương pháp xử lý được quy hoạch gồm chôn lấp hợp vệ sinh, thiêu hủy bằng lò đốt, sản xuất phân vi sinh hoặc các phương pháp khác. Nội dung chính của các quy hoạch quản lý chất thải rắn nêu trên chủ yếu liên quan đến địa điểm, phương pháp xử lý mà ít tập trung đến các vấn đề như phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển hoặc nguồn kinh phí, thể chế để thực hiện.

Mặc dù đã đạt được nhiều mặt tích cực nhưng còn hạn chế trong công tác lập và triển khai quy hoạch như chất lượng của công tác quy hoạch chưa cao; dự báo chưa có cơ sở, việc xác định vị trí, địa điểm xây dựng cơ sở xử lý chất thải gặp khó khăn do người dân phản đối (điều này diễn ra phổ biến ở các địa phương); quy hoạch thiếu yếu tố liên kết vùng; việc tổ chức triển khai quy hoạch quản lý chất thải rắn đã phê duyệt tại các địa phương còn chậm, thiếu nguồn lực để thực hiện quy hoạch; việc lựa chọn công nghệ và nhà đầu tư để thực hiện quy hoạch.

2.4. Tài chính cho công tác quản lý chất thải

Hiện nay, hầu hết kinh phí cho công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt được lấy từ ngân sách địa phương, theo đó ngân sách nhà nước được phân bổ theo từng cấp tỉnh, huyện, xã căn cứ trên nhu cầu của các cấp. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trong việc phân bổ, cấp ngân sách nhà nước hàng năm cho các địa phương trong tỉnh.

Hầu hết các địa phương khi ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đều chia ra các đối tượng khác nhau, tuy nhiên hầu hết đều thu theo hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh (không tính số thành viên trong gia đình), hộ gia đình sản xuất kinh doanh, trụ sở làm việc của các đơn vị hành chính, sự nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Đối với các hộ gia đình, mức giá tối đa được ấn định không tính đến số thành viên trong các hộ gia đình. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, mức giá được quy định căn cứ vào doanh thu của doanh nghiệp hoặc căn cứ vào khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thực tế phát sinh để thu.

Tuy nhiên, kinh phí thu được từ các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ đối với chất thải rắn sinh hoạt thu được chỉ bù đắp một phần chi phí thu gom hoặc vận chuyển. Ví dụ, tại tỉnh Bắc Ninh, tổng thu giá dịch vụ thu

gom chất thải rắn thu từ các hộ gia đình và các hộ sản xuất kinh doanh năm 2018 là 62 tỷ Đồng, chỉ gần đủ để phục vụ cho công tác thu gom (67 tỷ Đồng), còn lại toàn bộ chi phí vận chuyển và xử lý được ngân sách địa phương chi trả.

Các địa phương có nguồn chi ngân sách lớn cho công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng....ví dụ, trong năm 2018, thành phố Hồ Chí Minh chi là 2.000 tỷ Đồng.

Đối với việc vận chuyển, các địa phương ban hành đơn giá căn cứ vào khoảng cách nên giá dịch vụ vận chuyển không khác nhau nhiều tại các địa phương (tùy điều kiện vận chuyển). Việc tính khối lượng được dựa vào số liệu trạm cân tại cơ sở xử lý. Tuy nhiên, có nhiều phản ánh cho thấy cần kiểm soát chặt chẽ lượng chất thải được thu gom, xử lý để tránh thất thoát ngân sách của nhà nước do việc khai báo không khối lượng chất thải thu gom, xử lý.

Đối với giá xử lý: Hiện nay, các địa phương đang áp dụng các giá xử lý khác nhau cho các phương pháp xử lý khác nhau. Thực tế tồn tại là cùng một phương pháp xử lý nhưng đơn giá áp dụng tại từng địa phương là khác nhau. Ví dụ như đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt tại thành phố Hồ Chí Minh là 510,234 đồng/tấn trong khi cùng với công nghệ đó, đơn giá được áp dụng tại Hải Dương là 230,000 đồng/tấn. Thậm chí, trong cùng một địa phương và cùng một công nghệ nhưng giá xử lý chất thải lại được áp dụng khác nhau (tại thành phố Hồ Chí Minh trả cho cùng công nghệ chôn lấp đối với CITENCO là 369,706 đồng/tấn còn đối với VWS là 22.098USD/tấn tương đương hơn 480,000 đồng/tấn). Một ví dụ khác là tỉnh Bắc Ninh áp dụng đơn giá xử lý bằng phương pháp đốt tại 2 huyện Thuận Thành và Quế Võ khác nhau, với giá xử lý tương ứng là 451.00 đồng/tấn và 396.000 đồng/tấn. Đây là một bất cập cần được giải quyết để thúc đẩy công tác xã hội hóa, tránh tình trạng các nhà đầu tư chỉ mong muốn đầu tư tại các tỉnh/thành phố có mức giá xử lý cao.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Kết quả đạt được

- Hệ thống văn bản pháp quy ngày một hoàn thiện, tạo căn cứ pháp lý quan trọng để quản lý chất thải thống nhất theo định hướng mới; là bước tiến quan trọng để thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải; góp phần ngăn chặn các công nghệ xử lý chất thải lạc hậu, công nghệ chôn lấp và nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường;

- Tỷ lệ thu gom CTRSH tại khu vực đô thị đã ngày càng tăng, đạt ước 86% năm 2020 và dự kiến đạt khoảng 90% vào năm 2025, đáp ứng mục tiêu theo Chiến lược Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Đã xây dựng được các quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp vùng và quy hoạch tại các địa phương, làm căn cứ để xây dựng các cơ sở xử lý CTRSH;

- Một số địa phương đã bắt đầu áp dụng những công nghệ mới, tiên tiến như đốt có thu hồi năng lượng; đồng xử lý chất thải trong lò nung xi măng làm căn cứ để xem xét, nhân rộng.

3.2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

a. Hạn chế, yếu kém

- Việc quản lý CTRSH chưa được áp dụng theo phương thức quản lý tổng hợp, chưa chú trọng đến các giải pháp giảm thiểu trong sinh hoạt; việc áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, kiểm toán chất thải... trong sản xuất còn hạn chế;

- Chất thải hầu hết chưa được phân loại tại nguồn; các chương trình phân loại tại các địa phương còn mang tính thử nghiệm, chưa đồng bộ, chưa được chính thức hóa; hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn còn thấp, chưa có nhiều cải thiện;

- Hoạt động tái chế chất thải rắn còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, chủ yếu vẫn được thực hiện bởi khu vực phi chính thức ở các làng nghề, gây ô nhiễm môi trường. Còn thiếu sự quản lý và kiểm soát của các cơ quan hữu quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường ở địa phương. Phần lớn các cơ sở tái chế có quy mô nhỏ, mức độ đầu tư công nghệ không cao, đa số công nghệ đơn lẻ lạc hậu, máy móc thiết bị cũ, gây ô nhiễm môi trường thứ cấp.

- Phương thức xử lý chủ yếu vẫn là chôn lấp không hợp vệ sinh, tiêu tốn quỹ đất; tỷ lệ chất thải được xử lý kết hợp thu hồi năng lượng còn thấp. Nhiều cơ sở xử lý CTRSH đã được xây dựng và vận hành chưa đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí;

b. Nguyên nhân

- Nhận thức, ý thức trách nhiệm về quản lý CTR của chính quyền, người dân và doanh nghiệp chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu. Chính quyền ở nhiều địa phương chưa quan tâm đúng mức, chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm về quản lý chất thải rắn theo quy định. Nhận thức của người dân trong thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn còn nhiều hạn chế. Chất thải chưa được coi là tài nguyên, chưa được phân loại, tận dụng phần có ích để tái chế. Nhiều nơi, người dân chưa tích cực tham gia vào các hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chưa đóng phí vệ sinh môi trường đầy đủ. Ý thức của một số doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý chất thải còn hạn chế, gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải.

- Năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt của nhiều địa phương và các cơ quan trung ương còn hạn chế. Cơ sở hạ tầng, nguồn kinh phí và nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng trong công tác quản lý chất thải. Hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý ở nhiều nơi còn mang tính chất cộng đồng nên chưa thúc đẩy được tính chuyên nghiệp của các tổ dịch vụ, hợp tác xã, công ty dịch vụ môi trường. Việc thực thi các quy hoạch quản lý CTR còn yếu kém đặc biệt là các quy hoạch cấp vùng, lưu vực sông.

- *Việc huy động các nguồn lực cho quản lý CTR còn hạn chế.* Nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho quản lý CTR không đáp ứng yêu cầu. Mức phí thu gom CTR từ các hộ gia đình còn quá thấp so với chi phí quản lý CTR. Việc huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp ngoài nhà nước để đầu tư xây dựng khu xử lý, nhà máy xử lý CTRSH còn gặp nhiều khó khăn. Giá thành xử lý của cùng một công nghệ xử lý được áp dụng tại các địa phương khác nhau nên không khuyến khích việc đầu tư, nhân rộng các mô hình xử lý tốt.

- *Hệ thống chính sách, các quy định, hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý CTR còn chưa hoàn thiện.* Hiện đang còn thiếu các hướng dẫn lựa chọn công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật phù hợp về thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các địa phương còn khó khăn trong việc lựa chọn mô hình công nghệ quản lý phù hợp dẫn đến việc lúng túng trong lựa chọn chủ đầu tư.

- *Chất lượng các quy hoạch quản lý CTR chưa cao; dự báo chưa có cơ sở, chưa xác định vị trí, địa điểm xây dựng cơ sở xử lý chất thải tối ưu và được đồng thuận.* Quy hoạch thiếu yếu tố liên kết vùng; việc tổ chức triển khai quy hoạch quản lý chất thải rắn đã phê duyệt tại các địa phương còn chậm.

- *Còn nhiều bất cập trong tổ chức bộ máy về quản lý CTR.* Việc giao thoa, chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước tại trung ương trong lĩnh vực chất thải rắn đã gây khó khăn trong công tác quản lý. Hơn nữa, việc không thống nhất đối với các cơ quan chuyên môn giúp việc UBND cấp tỉnh trong lĩnh vực quản lý chất thải ở địa phương cũng làm cho công tác quản lý chất thải không thống nhất, bất cập.

PHẦN II

ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN TẠI VIỆT NAM

Với những phân tích ở trên **“Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn tại Việt Nam”** được đề xuất xây dựng với những quan điểm, mục tiêu, nội dung, giải pháp và cụ thể như sau:

1. QUAN ĐIỂM

a) Phù hợp với chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018;

b) Đảm bảo sự quản lý thống nhất, xuyên suốt từ trung ương đến địa phương về quản lý CTRSH, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường là đầu mối quản lý nhà nước về CTRSH ở Trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý CTRSH của địa phương;

c) CTRSH phát sinh phải được quản lý theo hướng coi là tài nguyên, được phân loại, thu gom phù hợp với công nghệ xử lý được lựa chọn; khuyến khích xử lý chất thải thành nguyên liệu, nhiên liệu, các sản phẩm thân thiện môi trường, xử lý chất thải kết hợp với thu hồi năng lượng, tiết kiệm đất đai và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng và đất nước;

d) Đầu tư hệ thống quản lý CTRSH phải đồng bộ, bao gồm xây dựng cơ sở xử lý CTRSH, công tác thu gom, vận chuyển trên cơ sở công nghệ phù hợp. Thực hiện đầu tư cho quản lý CTRSH phải có trọng tâm, trọng điểm và ưu tiên cho từng giai đoạn cụ thể, tránh dàn trải, kém hiệu quả;

đ) Việc đầu tư cho công tác thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH phải được thực hiện bằng những công nghệ tiên tiến, đi thẳng vào hiện đại, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, hạn chế thấp nhất lượng CTRSH phải chôn lấp;

e) Việc tăng cường nguồn lực cho các địa phương trong công tác quản lý CTRSH phải đi kèm với việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện.

2. MỤC TIÊU

Tăng cường năng lực của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý CTRSH (các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương; các tổ chức, cá nhân tham gia giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý và tái chế CTRSH) trong việc xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách và pháp luật về quản lý CTRSH; tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý; cơ sở vật chất, trang thiết bị; huy động nguồn vốn, xây dựng và triển khai các cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý, tái chế CTRSH... để thực hiện được mục tiêu của Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Về CTRSH đô thị đến năm 2025:

+ Tất cả các đô thị loại đặc biệt và loại I có công trình tái chế CTRSH phù hợp với việc phân loại tại hộ gia đình; 85% các đô thị còn lại có công trình tái chế CTRSH phù hợp với việc phân loại tại hộ gia đình;

+ 90% tổng lượng CTRSH phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; tăng cường khả năng tái chế, tái sử dụng, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ; phần đầu tỷ lệ CTRSH xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% so với lượng chất thải được thu gom;

+ Sử dụng 100% túi nilon thân thiện với môi trường tại các Trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt thay thế cho túi nilon khó phân hủy;

+ 90 - 95% các bãi chôn lấp CTRSH tại các đô thị đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất;

+ Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý CTRSH đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

- Về CTRSH nông thôn đến năm 2025:

+ 80% lượng CTRSH phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tự xử lý, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; tận dụng tối đa lượng chất thải hữu cơ để tái sử dụng, tái chế, làm phân compost hoặc tự xử lý tại các hộ gia đình thành phân compost để sử dụng tại chỗ;

+ 95% các bãi chôn lấp CTRSH tại khu vực nông thôn đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất; phần đầu 100% các bãi chôn lấp chất thải tự phát không thuộc quy hoạch phải được xử lý đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý CTRSH phải đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

3. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về CTRSH bao gồm:

1.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý CTRSH và tăng cường năng lực thực thi

- Rà soát, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các quy hoạch về quản lý chất thải rắn về sự phù hợp với tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn hiện nay và phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường nói chung; xây dựng, hoàn thiện và lồng ghép các quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp vùng và cấp địa phương hiện có vào quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia và quy hoạch tỉnh;

- Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy định về quản lý CTRSH; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến hoạt động quản lý CTRSH trong việc xử lý chất thải theo hướng ngang bằng với các nước trong nhóm G20, EU, OECD, Hàn Quốc hoặc Nhật Bản; hoàn thiện

các quy định về phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, phân đầu đến năm 2025 thu đủ chi phí thu gom, vận chuyển và đến năm 2050 bù đắp được 50% cho chi phí xử lý;

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chi ngân sách cho công tác bảo vệ môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường, trong đó cho phép sử dụng nguồn vốn sự nghiệp môi trường đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTRSH;

- Xây dựng cơ chế ưu đãi đối với cộng đồng dân cư xung quanh cơ sở xử lý CTRSH để khuyến khích người dân đồng thuận trong việc xây dựng nhà máy xử lý CTRSH;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý chất thải, bao gồm cả nội dung thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý chất thải của các địa phương đồng thời với việc nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Khẩn trương hoàn thiện các quy định về công tác phân loại tại nguồn, bao gồm quy định về bao bì, thiết bị lưu chứa CTRSH tại hộ gia đình, chủ nguồn thải và tại khu vực công cộng phục vụ; quy định về phương tiện vận chuyển đối với từng nhóm CTRSH đã được phân loại; quy định và tổ chức thực hiện quy định về phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý đối với từng nhóm CTRSH đã được phân loại; trách nhiệm của các hộ gia đình, chủ nguồn thải, các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý; các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn đầu thực hiện công tác phân loại tại nguồn.

1.2. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị; ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Đánh giá, tổng hợp nhu cầu nguồn vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH tại các địa phương trên toàn quốc; rà soát, lập danh sách các dự án thu gom, xử lý CTRSH cấp tỉnh, cấp huyện và liên xã; các dự án ưu tiên đầu tư; các dự án thực hiện theo phương thức xã hội hóa của địa phương để có kế hoạch bố trí nguồn kinh phí phù hợp;

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức cải tạo, xử lý các bãi chôn lấp CTRSH đã đóng cửa;

- Xây dựng, triển khai cơ chế huy động vốn đầu tư, thủ tục đầu tư rút gọn, các chính sách ưu đãi đặc thù đối với các dự án áp dụng giải pháp công nghệ mới, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện của địa phương;

- Xây dựng hạ tầng đáp ứng cho việc phân loại CTRSH tại nguồn đi kèm với hoạt động lưu giữ, thu gom tại các khu dân cư tập trung, khu chung cư, nhà cao tầng;

- Huy động nguồn lực toàn xã hội trong công tác giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn;

- Tăng cường trao đổi và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ hỗ trợ tài chính trong lĩnh vực quản lý CTRSH;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, quản lý hoạt

động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; Xây dựng cập nhật và tích hợp cơ sở dữ liệu về quản lý CTRSH vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

1.3. Xây dựng và triển khai các mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Rà soát, đánh giá các mô hình thu gom, vận chuyển và xử lý hiện nay tại các địa phương; xây dựng, thử nghiệm và giới thiệu để nhân rộng các mô hình mới phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội và năng lực quản lý CTRSH của các vùng miền trong cả nước, trước mắt ưu tiên tập trung đối với vấn đề quản lý CTRSH tại các huyện, đảo và danh mục công nghệ xử lý CTRSH khuyến cáo cho các địa phương áp dụng;

- Xây dựng và triển khai đồng bộ công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân và các đơn vị liên quan về công tác phân loại tại nguồn;

- Thí điểm áp dụng việc thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo khối lượng phát sinh, trước mắt triển khai áp dụng tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại I song song với việc đưa quy định này vào Luật Bảo vệ môi trường khi sửa đổi, bổ sung;

- Xây dựng và thực hiện thí điểm mô hình cộng đồng tham gia quản lý CTRSH, trong đó tăng cường nội dung giám sát của cộng đồng trong việc phân loại, thu gom, vận chuyển CTRSH để xem xét nhân rộng.

1.4. Đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường hỗ trợ năng lực nghiên cứu và phát triển cho các tổ chức khoa học và công nghệ liên quan đến nghiên cứu, chế tạo sản xuất các công nghệ xử lý CTRSH;

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghệ xử lý CTRSH theo hướng thân thiện môi trường; xử lý CTRSH kết hợp với thu hồi năng lượng; nghiên cứu cải tiến các trang thiết bị thu gom, vận chuyển CTRSH bảo đảm mỹ quan và hiệu quả sử dụng;

- Đẩy mạnh liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức đào tạo và doanh nghiệp trong việc nghiên cứu phát triển công nghệ, chế tạo thiết bị, sản xuất công nghệ xử lý CTRSH theo hướng thân thiện môi trường, công nghệ xử lý CTRSH kết hợp với thu hồi năng lượng;

- Rà soát, đánh giá thực trạng và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong công tác quản lý CTRSH; tăng cường phát triển nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu quản lý.

2. Tăng cường năng lực cho các cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH

- Đẩy mạnh xã hội hoá nhằm thu hút, tăng cường và đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư tăng cường cho công tác quản lý, xử lý CTRSH;

- Xây dựng lộ trình, kế hoạch và nhanh chóng triển khai cổ phần hoá các

doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước tham gia vào quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH;

- Xây dựng và ban hành hướng dẫn quy trình lựa chọn chủ đầu tư dự án xử lý CTRSH theo hướng tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư có áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; xây dựng và thực hiện quy trình, chính sách liên quan đến công tác giải tỏa, đền bù xây dựng các khu xử lý CTRSH;

- Xây dựng hướng dẫn cụ thể về quy trình đầu tư xây dựng và vận hành cơ sở xử lý CTRSH và đào tạo, công bố rộng rãi cho các nhà đầu tư nghiên cứu, thực hiện;

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế để chia sẻ, thảo luận về quản lý CTRSH nhằm thúc đẩy;

- Nâng cao năng lực quản lý, vận hành với sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng, tổ chức nước ngoài nhằm thúc đẩy việc xã hội hóa trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

3. Tăng cường nâng cao nhận thức cho người dân, cộng đồng

- Rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng về giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTRSH và chất thải nhựa; sửa đổi, xây dựng chương trình, tài liệu tuyên truyền và đầu tư các phương tiện, thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên, hiệu quả;

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn, hình thành lối sống thân thiện với môi trường;

- Thực hiện các chương trình đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu, phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng CTRSH, thải bỏ CTRSH đúng nơi quy định;

- Xây dựng chương trình giáo dục về môi trường với nội dung và thời lượng phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi tại các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với bảo vệ môi trường trong giai đoạn tới;

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức ký cam kết chống rác thải nhựa, không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần đối với các cơ sở sản xuất, các tổ chức phân phối sản phẩm, trung tâm thương mại, cửa hàng, nhà hàng, chợ, siêu thị không sử dụng túi ni lông khó phân hủy và đồ nhựa sử dụng một lần; thúc đẩy hoạt động Liên minh tái chế bao bì Việt Nam.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Phân công trách nhiệm

a. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì tổng kết, đánh giá, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng rà soát, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các quy hoạch về quản lý chất thải rắn (quy hoạch cấp vùng, liên tỉnh, liên đô thị, vùng kinh tế trọng điểm và quy hoạch cấp địa phương); xây dựng, hoàn thiện và lồng ghép các quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp vùng và cấp địa phương vào quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương khẩn trương rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách (bao gồm các cơ chế về tài chính, đầu tư), quy hoạch và pháp luật về quản lý CTRSH;

- Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện hoạt động quản lý, xử lý CTRSH phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng của địa phương; bổ sung và hướng dẫn thực hiện các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTRSH;

- Tổ chức triển khai hoạt động kiểm tra, thanh tra xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý CTRSH và thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý CTRSH tại các địa phương;

- Tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý CTRSH nói riêng;

- Xây dựng, khuyến cáo về mô hình công nghệ xử lý chất thải phù hợp, theo hướng giảm thiểu lượng chất thải chôn lấp, tăng cường tỷ lệ tái chế, tái sử dụng, thu năng lượng từ chất thải phù hợp với điều kiện Việt Nam;

- Phối hợp với các địa phương triển khai thí điểm các mô hình công nghệ, mô hình quản lý, xử lý CTRSH trên cả nước.

- Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá liên quan đến hoạt động quản lý CTRSH; hoàn thiện các quy định hướng dẫn về phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

b. Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án nghiên cứu khoa học công nghệ xử lý CTRSH cấp quốc gia, hướng dẫn ứng dụng công nghệ xử lý CTRSH phù hợp;

- Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường trong tái chế, xử lý CTRSH;

- Hoàn thiện các hàng rào kỹ thuật quy chuẩn, tiêu chuẩn với lộ trình tiệm cận với các nước tiên tiến để đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả công nghệ lạc hậu, lợi dụng việc đưa chất thải xâm nhập vào Việt Nam thông qua việc nhập khẩu công nghệ đã qua sử dụng.

c. Bộ Xây dựng:

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc rà soát các quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng có nội dung liên quan đến quản lý chất thải rắn;

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thiết kế, xây dựng các khu dân cư tập trung, chung cư cao tầng phù hợp với mục đích phân loại CTRSH tại nguồn.

d. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm xử lý CTRSH cho các điểm dân cư nông thôn.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Hoàn thiện hướng dẫn thực hiện và công nhận đạt chuẩn tiêu chí môi trường các xã, huyện theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

đ. Bộ Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan rà soát, đề xuất Chính phủ tăng cường nhân lực cho công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nói chung và CTRSH tại Trung ương và địa phương.

e. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, cân đối, bố trí đủ nguồn vốn để thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng các chương trình, dự án về quản lý, xử lý CTRSH và việc xử lý triệt để các bãi rác gây ô nhiễm nghiêm trọng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các địa phương bố trí nguồn vốn đầu tư cho công tác quản lý CTRSH của các tỉnh theo đúng chương trình, kế hoạch và quy hoạch quản lý CTRSH đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

f. Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương rà soát, cân đối ngân sách, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về tài chính đối với dịch vụ thu gom và xử lý CTRSH nhằm khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, đưa vào áp dụng công nghệ mới nhằm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý CTRSH, chế tạo thiết bị vận tải chuyên dùng cho CTRSH khu vực nông thôn.

g. Bộ Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương thực hiện tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt là về thu gom, xử lý CTRSH thông qua các phương tiện phát thanh, truyền hình và báo chí nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân.

h. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát, đánh giá, biên soạn và đưa các nội dung giáo dục về môi trường trong đó có nội dung quản lý tổng hợp CTRSH vào chương trình của các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu với tình hình mới.

i. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các quy định về quản lý chất thải cho phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương; xây dựng và ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn; tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp xử lý CTRSH đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung;

- Đánh giá, tổng hợp nhu cầu nguồn vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH tại các địa phương trên toàn quốc; rà soát, lập danh sách các dự án thu gom, xử lý CTRSH cấp tỉnh, cấp huyện và liên xã; các dự án ưu tiên đầu tư; các dự án thực hiện theo phương thức xã hội hóa của địa phương để có kế hoạch bố trí nguồn kinh phí phù hợp;

- Bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm của địa phương hỗ trợ cho việc xử lý CTRSH, cải tạo các bãi chôn lấp đã đóng cửa, xử lý các bãi chôn lấp chất thải tự phát; xây dựng và triển khai các mô hình xử lý CTRSH phù hợp với đặc thù của địa phương;

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý CTRSH, nội dung quy hoạch quản lý CTRSH trong quy hoạch của địa phương; xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển cơ sở xử lý CTRSH theo quy hoạch được phê duyệt;

- Chủ động tìm kiếm, huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH tại địa phương; chỉ đạo, tổ chức thực hiện cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phân loại CTRSH phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội cụ thể của mỗi địa phương;

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao năng lực, nhận thức và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân về quản lý tổng hợp CTRSH và bảo vệ môi trường trên địa bàn; hướng dẫn xây dựng quy chế quản lý, hương ước, quy ước nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý CTRSH và bảo vệ môi trường nông thôn;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân có phát sinh lượng chất thải lớn trong khu vực nông thôn; có biện pháp xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

4.2. Kinh phí thực hiện Đề án

Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ các nguồn vốn Ngân sách nhà nước và vốn huy động từ các nguồn khác (vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay của các tổ chức tín dụng, tài trợ quốc tế).

Kinh phí thực hiện các nội dung phục vụ quản lý nhà nước như: rà soát, hoàn thiện hệ thống tổ chức, cơ chế, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; phát triển thị trường; tuyên truyền, nâng cao nhận thức ...; được bố trí từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước thông qua các kế hoạch, chương trình hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương.

Kinh phí thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển công nghệ, thiết bị xử lý CTRSH được huy động từ các nguồn của doanh nghiệp, nguồn vốn vay trong và ngoài nước, vốn tài trợ, hỗ trợ một phần từ các quỹ như Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và địa phương, Quỹ bảo vệ môi trường quốc gia và địa phương.

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA ĐỀ ÁN

STT	Tên Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Mục tiêu hướng đến	Sản phẩm dự kiến
1	Hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật về quản lý CTRSH; Rà soát, xây dựng, hoàn thiện và lồng ghép các quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp vùng vào quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương	2020 - 2025	Cơ chế, chính sách và pháp luật về quản lý CTRSH được xây dựng, hoàn thiện phù hợp với tình hình mới;	Luật BVMT sửa đổi; Quy hoạch bảo vệ môi trường; Quy định về đầu mối thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn; các văn bản hướng dẫn thi hành định mức, đơn giá xử lý CTRSH; tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển xử lý CTRSH; công nghệ xử lý CTRSH ...)
2	Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định về quản lý chất thải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; Rà soát, xây dựng, hoàn thiện và lồng ghép các quy hoạch quản lý chất thải rắn địa phương vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch bảo vệ môi trường.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các Bộ, ngành liên quan	2020 - 2025	Quy hoạch và quy định của địa phương về quản lý CTRSH được hoàn thiện	Hệ thống văn bản pháp quy về quản lý CTRSH thuộc thẩm quyền của địa phương; các lớp quy hoạch quản lý CTR có trong quy hoạch môi trường, quy hoạch tỉnh.

3	Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong việc xử lý chất thải theo hướng ngang bằng với các nước trong nhóm G20, EU, OECD, Hàn Quốc hoặc Nhật Bản.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành liên quan	2020 - 2022	Xây dựng và ban hành được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trong tình hình mới	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành
4	Xây dựng kế hoạch, huy động các nguồn ngân sách và xã hội hóa để tổ chức cải tạo, xử lý các bãi chôn lấp CTRSH đã đóng cửa	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương, Viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp liên quan	2020 - 2025	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các công nghệ xử lý, cải tạo các bãi chôn lấp; - Huy động được các nguồn lực từ ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội hóa. 	Các bãi chôn lấp đã đóng cửa được cải tạo, phục hồi môi trường và tái sử dụng đất

5	Xây dựng và triển khai đồng bộ công tác phân loại tại nguồn CTRSH phù hợp với công nghệ xử lý CTRSH tại địa phương	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, Viện nghiên cứu, trường đại học	2020 - 2025	Mô hình phân loại CTRSH tại nguồn và các công nghệ xử lý CTRSH tương ứng được xây dựng và thực hiện đồng bộ làm cơ sở để nhân rộng	Việc phân loại tại nguồn được triển khai đồng bộ trên cả nước
6	Đầu tư mới hoặc chuyển đổi các cơ sở xử lý CTRSH sang phương xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hà Phòng.	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban Thành phố Hà Nội; - Ủy ban Thành phố Hồ Chí Minh - Thành phố Đà Nẵng - Thành phố Hải Phòng 	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, Viện nghiên cứu, trường đại học	2020 - 2025	Trên 70% lượng CTRSH tại các thành phố nêu trên được xử lý có kết hợp với thu hồi năng lượng	Các cơ sở xử lý CTRSH bằng phương xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng được xây dựng và vận hành

7	Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về quản lý CTRSH	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương	2020 - 2025	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về quản lý CTRSH	Nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về quản lý CTRSH được tăng cường
8	Rà soát, đánh giá, biên soạn và đưa vào nội dung giáo dục về môi trường, trong đó có nội dung về quản lý CTRSH vào chương trình của các cấp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành và địa phương	2020 - 2025	Tăng cường nhận thức của học sinh, sinh viên về quản lý CTRSH	Các tài liệu, nội dung về quản lý CTRSH vào chương trình của các cấp học
9	Xây dựng cập nhật và tích hợp cơ sở dữ liệu về quản lý CTRSH vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và của địa phương. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Thông tin truyền thông, các Bộ, ngành liên quan	2020 - 2025	Cơ sở dữ liệu về quản lý CTRSH, bao gồm các số liệu về khối lượng phát sinh, tỷ lệ thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thải bỏ cuối cùng.	Phần mềm cơ sở dữ liệu được xây dựng và vận hành, kết nối giữa trung ương và địa phương
10	Xây dựng và triển khai các mô hình cộng đồng tự quản tham gia quản lý CTRSH	Ủy ban nhân dân, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành liên quan	2020 - 2025	Xây dựng được mô hình cộng đồng tham gia quản lý CTRSH	Báo cáo kết quả thực hiện và kinh nghiệm thu được để nhân rộng